

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI  
TRƯỜNG  
Số: 02/2005/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2005

## THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP**

**ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò,  
khai thác,**

**sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước**

*Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước,;*

*Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước như sau:*

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi đối với các loại giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước sông, suối, rạch, vùng biển ven bờ, hồ, đầm, ao; quy định các mẫu hồ sơ đề nghị cấp phép, mẫu giấy phép.

Việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước từ các tàu, thuyền được hướng dẫn ở văn bản khác.

## 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước.

## 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. *Khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình* là khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có quy mô không vượt quá:

- a)  $0,02 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp;
- b) Công suất lắp máy 50 kW đối với khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy;
- c)  $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  đối với khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác;
- d)  $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  đối với khai thác, sử dụng nước dưới đất;
- đ)  $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  đối với xả nước thải.

3.2. *Khu vực khai thác nước dưới đất* là vùng diện tích bố trí công trình khai thác và đới phòng hộ vệ sinh quy định trong giấy phép khai thác.

3.3. *Công trình khai thác nước dưới đất* là hệ thống gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất, nằm trong một khu vực khai thác nước và khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1000 mét, thuộc sở hữu của một tổ chức, hoặc cá nhân.

3.4. *Lưu lượng của một công trình khai thác nước dưới đất* là tổng lưu lượng của các giếng khoan, giếng đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc công trình đó.

3.5. *Tổng lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt của một vùng* được tính bằng tổng lượng dòng chảy trung bình nhiều năm của các sông, suối trong vùng đó vào các tháng mùa kiệt (đối với vùng miền núi), hoặc bằng lượng nước chứa trong đới dao

động mực nước giữa đầu mùa kiệt và cuối mùa kiệt của tầng chứa nước khai thác (đối với vùng đồng bằng).

#### **4. Các trường hợp không phải xin phép**

4.1. Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi đất được giao, được thuê quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP được áp dụng trong trường hợp khai thác, sử dụng nước từ các ao, hồ tự nhiên được hình thành từ mưa trong phạm vi đất được giao, được thuê hoặc được quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai.

4.2. Vùng khai thác nước dưới đất phải đăng ký, chiều sâu giếng phải đăng ký quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định căn cứ vào các cơ sở sau đây:

- a) Hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất;
- b) Trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác trong vùng;
- c) Đặc điểm phân bố các tầng chứa nước; có sự xen kẽ giữa tầng chứa nước nhạt và tầng chứa nước mặn.

4.3. Trên cơ sở khả năng nguồn nước, tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước ở từng vùng, và quy định tại điểm 3.1 mục 3 phần I của Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định cụ thể quy mô khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình không phải xin phép.

#### **5. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép**

5.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

- a) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các công trình quan trọng quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- b) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên;

- c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ  $2\text{m}^3/\text{giờ}$  trở lên;
- d) Khai thác sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ  $2.000\text{ kw}$  trở lên;
- đ) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng từ  $50.000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  trở lên;
- e) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ  $5.000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$  trở lên.

5.2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp không quy định tại điểm 5.1 mục 5 phần I của Thông tư này và không thuộc các trường hợp không phải xin phép qui định tại Điều 6 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP.

## **6. Nội dung chủ yếu của giấy phép**

6.1. Giấy phép thăm dò nước dưới đất:

- a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;
- b) Mục đích và quy mô thăm dò;
- c) Vị trí toạ độ, diện tích khu vực thăm dò;
- d) Tầng chứa nước thăm dò;
- đ) Khối lượng các hạng mục công tác thăm dò;
- e) Thời hạn của giấy phép thăm dò nước dưới đất;
- g) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp thăm dò nước dưới đất do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:
  - Bảo vệ tầng chứa nước và môi trường xung quanh khu vực thăm dò;
  - Bảo đảm hiệu quả, chất lượng của công tác thăm dò;
  - Bảo vệ quyền, lợi ích khai thác, sử dụng nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực thăm dò.
- h) Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

6.2. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất:

- a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;
- b) Mục đích khai thác, sử dụng nước;
- c) Vị trí công trình khai thác nước;
- d) Tầng chứa nước khai thác;
- đ) Tổng số giếng hoặc hành lang, mạch lộ, hang động khai thác;
- e) Tổng lượng nước khai thác, sử dụng;
- g) Chế độ khai thác;
- h) Các thông số chủ yếu của công trình khai thác;
- i) Thời hạn của giấy phép;
- k) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:
  - Bảo đảm tầng chứa nước khai thác và các tầng chứa nước liên quan không bị suy thoái, cạn kiệt; bảo vệ môi trường sinh thái;
  - Bảo đảm không gây sụt lún mặt đất;
  - Bảo vệ quyền, lợi ích khai thác, sử dụng nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác sử dụng nước dưới đất tại khu vực đề nghị cấp phép khai thác.
- l) Quyền, nghĩa vụ của chủ giấy phép.

### 6.3. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt:

- a) Tên, địa chỉ của chủ giấy phép;
- b) Mục đích khai thác, sử dụng nước;
- c) Nguồn nước khai thác sử dụng;
- d) Vị trí công trình khai thác, sử dụng;
- đ) Phương thức khai thác, sử dụng nước;
- e) Lượng nước khai thác, sử dụng;
- g) Thời hạn của giấy phép;
- h) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt do cơ quan cấp phép quy định nhằm mục đích:
  - Bảo đảm duy trì dòng chảy môi trường của nguồn nước;